TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2017/DS-PT
Ngày 07 - 11 - 2017
V/v tranh chấp về
hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy

Bà Đặng Hồ Điệp

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2017/TLPT-DS ngày 05 tháng 9 năm 2017 về việc tranh chấp về hợp đồng tín dụng.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 10/2017/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1760/2017/QĐ-PT ngày 13 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 1958/2017/QĐ-PT ngày 03 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Quỹ TDND TĐ (viết tắt là Quỹ tín dụng), địa chỉ trụ sở: Thôn Đ, xã TĐ, huyện VB , thành phố Hải Phòng;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đỗ Thị T; sinh năm 1961; chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; có mặt.

- *Bị đơn*: Bà Phạm Thị Khánh T1 (bà Phạm Thị T1); sinh năm 1948; cư trú tại: Thôn HĐ, xã TĐ, huyện VB , thành phố Hải Phòng; vắng mặt (đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Ông Lê Văn S, sinh năm 1947; nơi cư trú: Thôn HĐ, xã TĐ, huyện VB , thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Chị Trần Thị H, sinh năm 1979; cư trú tại: Thôn HĐ, xã TĐ, huyện VB , thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm người đại diện theo pháp luật của Quỹ TDND TĐ trình bày: Ngày 05/11/2014, Quỹ tín dụng ký kết Hợp đồng tín dụng số 9496 với bà Phạm Thị T1. Người đồng sở hữu là Chị Trần Thị H (là con dâu của bà T1). Theo đó hai bên thỏa thuận: Quỹ tín dụng cho bà T1 vay số tiền là: 140.000.000 đồng; thời hạn cho vay: 18 tháng kể từ 05/11/2014; mục đích vay tiền là để phục vụ đời sống; lãi suất: 1,1%/tháng; lãi suất quá hạn: 1,65%/tháng. Số tiền nợ gốc được chia thành các kỳ hạn trả nợ như sau: Ngày 05/4/2016 bà T1 phải trả số tiền là 70.000.000 đồng; ngày 05/5/2016, bà T1 phải trả số tiền là 70.000.000 đồng. Tiền lãi vay được trả cùng với kỳ hạn trả nợ gốc. Để đảm bảo cho khoản vay nêu trên hai bên đã ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014. Theo đó, bà T1 thế chấp quyền sử dụng diện tích đất 616m^2 tại thửa đất số 84,84,86, tờ bản đồ số 05 và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà cấp 4, diện tích 60m^2 nằm trên diện tích đất nêu trên, tọa lạc tại Thôn HĐ, xã TĐ, huyện VB , thành phố Hải Phòng. Diện tích đất đã được Ủy ban nhân dân huyện VB cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 389403, số vào sổ 382QSDĐ ngày 01/10/1997 mang tên Phạm Thị T1. Ngày 05/11/2014, Quỹ tín dụng đã giải ngân cho bà T1 số tiền 140.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, bà T1 chỉ thanh toán được cho Quỹ tín dụng 6.007.000 đồng tiền lãi trong hạn và đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tiền theo thỏa thuận. Quỹ tín dụng đã nhiều lần đôn đốc nhưng bà T1 không hợp tác và không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Nay Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu bà T1 phải trả khoản tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng nêu trên (tính đến ngày 07/11/2016), cụ thể: Số tiền nợ gốc là: 140.000.000 đồng; số tiền nợ lãi là: 36.318.000 đồng. Trong trường hợp bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án tuyên phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết.

Tại phiên hòa giải ngày 28/4/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm (ngày 19/7/2017), Quỹ tín dụng rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc tuyên phát mại tài sản thế chấp vì nhận thấy Hợp đồng thế chấp tài sản số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 không đảm bảo giá trị pháp lý. Quỹ tín dụng chỉ yêu cầu bà T1 phải trả số tiền nợ gốc là: 140.000.000 đồng; tiền nợ lãi: 55.695.000 đồng; tổng cộng: 195.695.000 đồng và tiếp tục phải trả tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc kể từ sau ngày

19/7/2017 theo lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Tại các bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ, bị đơn – bà T1 trình bày: Bà T1 xác nhận ngày 05/11/2014 đã ký kết Hợp đồng tín dụng số 9496 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 với Quỹ tín dụng. Bà T1 xác nhận lời trình bày của Quỹ tín dụng về số tiền đã vay, mục đích vay, thời hạn vay, số tiền lãi đã trả. Thực hiện hợp đồng, Quỹ tín dụng đã giải ngân cho bà T1 số tiền là 140.000.000 đồng, hiện bà T1 còn nợ Quỹ tín dụng số tiền gốc và tiền lãi đúng như Quỹ tín dụng trình bày. Do thường xuyên bị đau ốm, kinh tế gia đình khó khăn nên bà T1 không trả được nợ cho Quỹ tín dụng như thỏa thuận. Bà T1 đồng ý trả số tiền nợ gốc cho Quỹ tín dụng và đề nghị Quỹ tín dụng miễn toàn bộ số tiền lãi cho bà T1. Về yêu cầu phát mại tài sản thế chấp, bà T1 không đồng ý vì quyền sử dụng diện tích đất 616m^2 và ngôi nhà cấp 4 là tài sản chung của vợ chồng bà T1. Nguồn gốc diện tích đất là của bố mẹ đẻ ông S (chồng của bà T1) cho vợ chồng bà T1 sử dụng từ trước năm 1970. Khi bà T1 vay nợ và ký hợp đồng thế chấp với Quỹ tín dụng, bà T1 không bàn bạc và hỏi ý kiến của ông S.

Tại các văn bản có trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ông Lê Văn S trình bày: Ông S là chồng của bà T1. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 616m^2 mà bà T1 đã ký hợp đồng thế chấp để vay số tiền 140.000.000 đồng của Quỹ tín dụng là tài sản chung của vợ chồng ông S có nguồn gốc đúng như bà T1 đã trình bày. Việc bà T1 làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà T1 cũng như việc bà T1 vay nợ và thế chấp tài sản này cho Quỹ tín dụng ông S hoàn toàn không biết. Vì vậy, bà T1 phải có trách nhiệm với khoản vay này. Ông S đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 là hợp đồng vô hiệu vì tài sản thế chấp là của chung vợ chồng ông S nhưng bà T1 đã tự ý mang thế chấp để đảm bảo cho khoản vay riêng của bà T1 là không đúng. Tại phiên hòa giải ngày 28/4/2017, ông S đồng ý với việc rút yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của Quỹ tín dụng đồng thời đề nghị Quỹ tín dụng trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 389403, số vào sổ 382QSDĐ ngày 01/10/1997 mang tên Phạm Thị T1 cho vợ chồng ông S.

Tại các bản tự khai và các văn bản khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Chị Trần Thị H trình bày: Chị H là con dâu của bà T1. Việc chị H có tên và ký vào Giấy đề nghị vay vốn ngày 05/11/2014 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 là do bà T1 và Quỹ tín dụng muốn hợp lý hóa hồ sơ vay vốn nên đã nhờ chị ký. Việc bà T1 vay tiền của Quỹ tín dụng là việc riêng của bà T1, chị H không liên quan, không được sử dụng số tiền đó nên không có nghĩa vụ phải trả nợ cho Quỹ tín dụng.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91 của Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 122, Điều 127, Điều 128, Điều 137, khoản 3 Điều 219, Điều 471, khoản 5 Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 1 Điều 147; khoản 2 Điều 244; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 266; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Buộc Bà Phạm Thị Khánh T1 (Phạm Thị T1) phải trả cho Quỹ TDND TĐ số nợ như sau: Tiền nợ gốc là 140.000.000 đồng; tiền nợ lãi trong hạn: 22.585.000 đồng; tiền nợ lãi quá hạn: 33.110.000 đồng. Tổng cộng: 195.695.000 đồng. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Quỹ TDND TĐvề việc tuyên phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 ký kết giữa Quỹ TDND TĐ với bà Phạm Thị T1. Tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 là hợp đồng vô hiệu. Buộc Quỹ TDND TĐ phải trả lại bà T1 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K389403, số vào sổ 382 QSDĐ ngày 01/10/1997 do Ủy ban nhân dân huyện VB cấp mang tên bà Phạm Thị T1.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về tiền lãi phát sinh từ hợp đồng tín dụng; tiền lãi chậm trả; quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 18 tháng 8 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐKNPT-VKS-DS đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 19/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện VB, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hải phòng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm vì đã vi phạm tố tụng, giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự; tuyên lãi suất chậm thi hành án không đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Quỹ tín dụng giữ nguyên yêu cầu bà T1 phải trả số tiền còn nợ gốc và tiền lãi như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T1 vắng mặt và đề nghị xét xử vắng mặt. Chị H vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T và ông S nhất trí với kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên đối với kháng nghị: Nội dung kháng nghị phúc thẩm số 11/QĐKNPT-VKS-DS ngày 18/8/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng là có căn cứ nên giữ nguyên kháng nghị phúc thẩm. Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1; Điều 12 và khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm số 10/2017/DSST ngày 19/7/2017 theo hướng lược bỏ tại phần quyết định của bản án các nội dung về việc tuyên lãi suất chậm thi hành án đối với khoản tiền nợ gốc và nợ lãi tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm; lược bỏ việc tuyên bố Hợp đồng thế chấp tài sản số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 vô hiệu và quyết định về việc buộc Quỹ tín dụng phải trả lại cho bà T1 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K389403, số vào sổ 382QSDĐ ngày 01/10/1997. Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng nghị nên thuộc thẩm quyền của Tòa dân sự phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Giao dịch giữa Quỹ tín dụng với bà T1 diễn ra vào ngày 05/11/2014, đã được thực hiện xong trước ngày 01/01/2017, nay có tranh chấp cần phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết - điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Bà T1 vắng mặt đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Chị H vắng mặt nhiều lần không có lý do. Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định xét xử vụ án vắng mặt bà T1 và chị H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Hợp đồng tín dụng số 9496 ngày 05/11/2014 được ký kết giữa Quỹ tín dụng và bà T1 tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên là hợp đồng hợp pháp. Thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng số 9496 ngày 05/11/2014 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với qui định tại các Điều 121, Điều 122 của Bộ luật Dân sự năm 2005 nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thoả thuận đã cam kết trong hợp đồng này.

Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên Quỹ tín dụng đã giải ngân số tiền 140.000.000 đồng cho bà T1. Về phía bà T1 trình bày, do kinh tế gia đình khó

khăn nên đã không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ như cam kết. Bà T1 xác nhận số tiền còn nợ như Quỹ tín dụng nêu; đồng ý trả nợ gốc và chỉ đề nghị Quỹ tín dụng miễn nợ lãi cho bà T1. Tại giai đoạn sơ thẩm Quỹ tín dụng đồng ý miễn lãi cho bà T1 với điều kiện bà T1 phải trả ngay số tiền nợ gốc trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày 28/4/2017, nhưng bà T1 không thực hiện được. Nay Quỹ tín dụng yêu cầu bà T1 phải thanh toán các khoản tiền nợ gốc, tiền nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Hợp đồng tín dụng nêu trên là phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng tín dụng số 9496 và phù hợp với quy định tại các Điều 471, Điều 474, Khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 6, khoản 16 Điều 4, khoản 5 Điều 6, khoản 2 Điều 91, Điều 118 của Luật Các tổ chức tín dụng nên chấp nhận.

[5] Về việc Quỹ tín dụng rút yêu cầu khởi kiện đề nghị tuyên phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng diện tích đất 616m^2 tại thửa đất số 84,84,86, tờ bản đồ số 05 tọa lạc tại thôn HĐ, xã TĐ, huyện VB, thành phố Hải Phòng và ngôi nhà cấp 4, diện tích 60m^2 nằm trên diện tích đất nêu trên (theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014) trong trường hợp bà T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là do tự nguyện. Bà T1, ông S đều nhất trí với việc rút yêu cầu này. Việc ông S đề nghị Tòa án tuyên hủy Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 chỉ là quan điểm của ông S đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm không phải giải quyết yêu cầu về việc phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014. Trường hợp, nếu ông S có yêu cầu về việc Tòa án tuyên bố Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 là hợp đồng vô hiệu thì Tòa án cấp sơ thẩm cần giải thích, hướng dẫn cho ông S làm đơn và nộp tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật để Tòa án thụ lý giải quyết yêu cầu của ông S. Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá tính hợp pháp của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014 khi Quỹ tín dụng đã rút yêu cầu, còn ông S lại chưa làm đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật để Tòa án thụ lý yêu cầu là đã giải quyết vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự và không đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn buộc bà T1 phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án là không đúng với thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng tín dụng số 9496 ngày 05/11/2014 và không đúng quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng sửa một phần bản án sơ thẩm – khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Quỹ tín dụng nhân dân xã TĐ; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà T1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà T1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm - theo quy định tại Điều 2 của Luật người cao tuổi; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 10/2017/DS-ST ngày 19 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện VB, thành phố Hải Phòng.

- Căn cứ các Điều 121, Điều 122, Điều 471, Điều 474, Khoản 1 Điều 476 của Bộ luật Dân sự; khoản 6, khoản 16 Điều 4, khoản 5 Điều 6, khoản 2 Điều 91, Điều 118 của Luật Các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Buộc Bà Phạm Thị Khánh T1 (Phạm Thị T1) có nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ TDND xã TĐ:

Số tiền nợ gốc: 140.000.000 đồng; số tiền nợ lãi trong hạn: 22.585.000 đồng; số tiền nợ lãi quá hạn: 33.110.000 đồng. Tổng cộng: 195.695.000 đồng (Một trăm chín mươi lăm triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Bà T1 tiếp tục phải trả tiền lãi cho Quỹ TDND TĐ kể từ ngày 20/7/2017 đối với khoản nợ gốc cho đến khi trả nợ xong, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 9496 ngày 05/11/2014.

2. Đình chỉ việc xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của Quỹ TDND TĐ về việc phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 9496/HĐTC ngày 05/11/2014.

3. Về án phí:

a. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Quỹ TDND TĐ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại Quỹ TDND TĐ số tiền 4.407.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm linh bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng dân sự sơ thẩm đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 7031 ngày 08/11/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VB, thành phố Hải Phòng.

Ông Lê Văn S và Chị Trần Thị H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Khánh T1 được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

b. Về án phí dân sự phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Hải Phòng;
- TAND huyện VB;
- Chi cục THADS huyện VB;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương